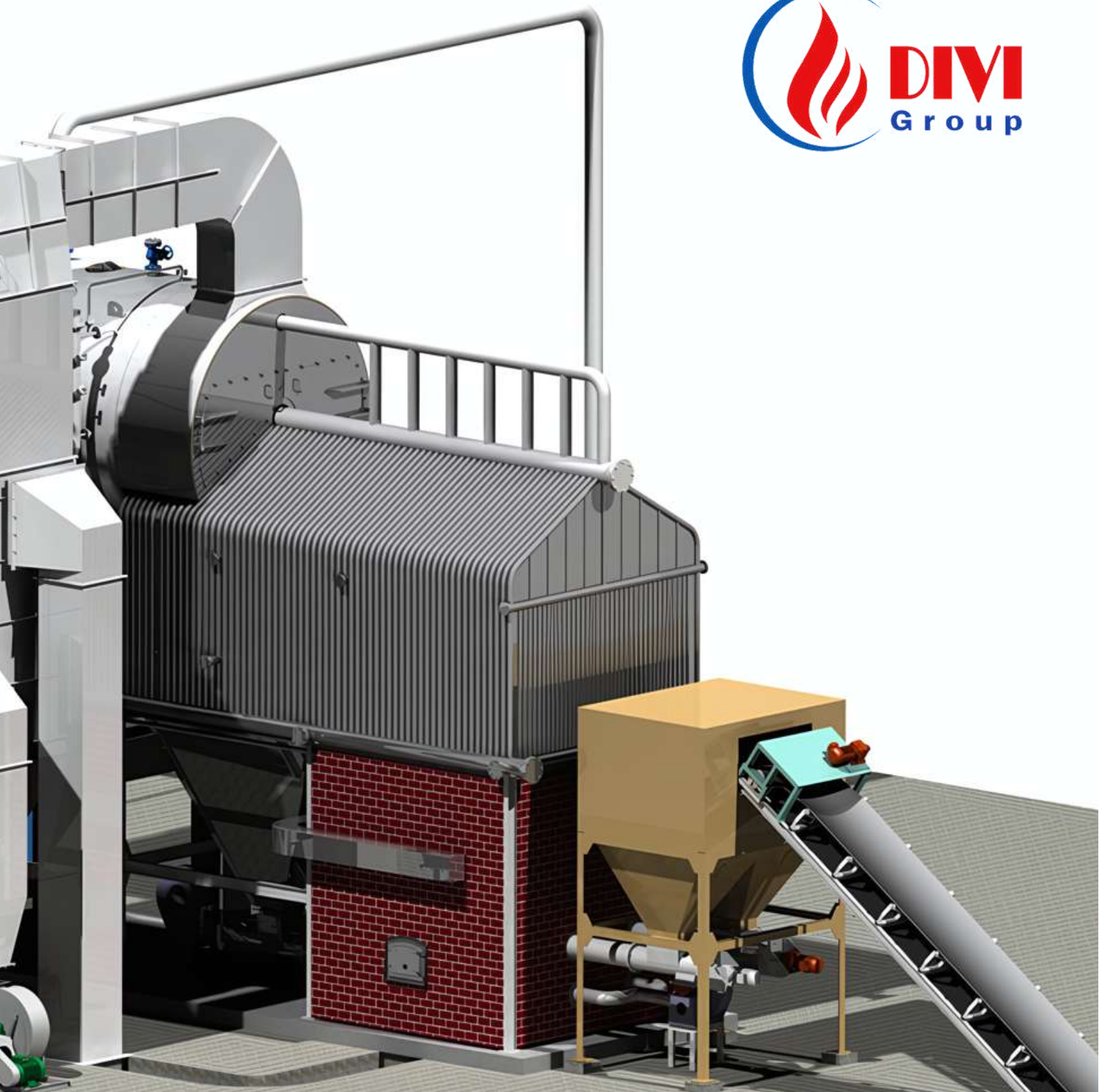




HỒ SƠ NĂNG LỰC

公司资质

CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN DIVI
DIVI 集团有限责任公司



MỤC LỤC / 目录

LỜI NGỎ / 前言 02

01.

GIỚI THIỆU CHUNG / 概述 03

Sơ lược về Tập đoàn DIVI / DIVI集团简介 04

Cổ đông sáng lập / 创始股东 05

Tổ chuyên gia cố vấn kỹ thuật / 技术咨询小组 05

Đội ngũ nhân sự / 人力资源团队 06

Giấy phép kinh doanh / 营业执照 07

Thành tựu kỹ thuật / 技术成果 07

02.

CƠ SỞ HẠ TẦNG / 基础设施 08

Văn phòng chính / 公司总部 09

Nhà máy sản xuất nồi hơi / 锅炉制造厂 10

Nhà máy nhiên liệu / 生物质燃料厂 11

03.

CÁC MẢNG KINH DOANH / 业务领域 12

Sản xuất nồi hơi / 锅炉生产

Nồi hơi tầng sôi đốt Biomass / 燃生物质流化床锅炉 13

Nồi dầu tải nhiệt đốt Biomass / 生物质导热油锅炉 16

Nồi hơi đốt nhiên liệu lỏng / 液体燃料锅炉 19

Các dự án tiêu biểu / 典型项目 22

Dịch vụ bán hơi / 蒸汽供应服务 34

Nhiên liệu Biomass / 生物质燃料供应服务 36

Dự án nhà máy điện / 生物质燃料发电厂项目 37

Xuất khẩu / 出口 38

Đối tác của Tập đoàn DIVI / DIVI集团合作伙伴 41

LỜI NGỎ / 前言

Kính gửi **Quý Đối Tác và Khách Hàng** thân mến,

Từ khi thành lập vào năm 2011, **Tập đoàn DIVI** luôn nỗ lực không ngừng nhằm khẳng định mình là thương hiệu đáng tin cậy trong lòng quý đối tác và khách hàng. Chúng tôi tự hào với cam kết về chất lượng sản phẩm hàng đầu, cũng như sự ủng hộ và tin tưởng mà Quý vị đã dành cho chúng tôi suốt thời gian qua.

Với mục tiêu phát triển bền vững và tạo dựng một hệ sinh thái kinh doanh khép kín, **DIVI Group** hoạt động trên nhiều lĩnh vực từ sản xuất nồi hơi, dịch vụ bán hơi và cho thuê nồi hơi, cung cấp nhiên liệu sinh khối, đến việc vận hành nhà máy điện sinh khối và trồng cũng như khai thác rừng. Trong đó, sản xuất lò hơi và chuyển giao công nghệ lò hơi cho khách hàng là trọng tâm, thể hiện rõ ràng cam kết và khát khao cống hiến cho xã hội của chúng tôi.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát triển bền vững, **DIVI Group** đã đặt mục tiêu thay thế nguồn nhiên liệu hóa thạch bằng các loại nhiên liệu từ phế phẩm nông nghiệp, vừa thân thiện với môi trường vừa tiết giảm chi phí. Điều này không chỉ góp phần vào việc bảo vệ môi trường mà còn mang lại giá trị kinh tế cho quý khách hàng và đối tác của chúng tôi.

Sự tin cậy và uy tín của **DIVI Group** được xây dựng dựa trên chất lượng sản phẩm, đổi mới sáng tạo liên tục và quy tắc 80/20 trong củng cố chất lượng. Điều đó đã giúp chúng tôi duy trì được sự tin yêu và ủng hộ từ phía khách hàng, với 90% doanh thu đến từ sự giới thiệu của những khách hàng đã từng sử dụng sản phẩm của chúng tôi.

Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến sự tin tưởng và hỗ trợ từ quý đối tác và khách hàng, những người đã góp phần quan trọng vào thành công của **DIVI Group**. Sự ủng hộ này là động lực để chúng tôi tiếp tục theo đuổi mục tiêu trở thành tập đoàn đa ngành nghề, dẫn đầu trong lĩnh vực năng lượng sinh khối vào năm 2030, đồng hành cùng Chính Phủ Việt Nam trong cam kết giảm phát thải carbon về 0 vào năm 2050.

Sứ mệnh của chúng tôi là **nỗ lực mang thịnh vượng đến với người đồng hành** - từ khách hàng, đội ngũ nhân viên đến các nhà cung cấp. Chúng tôi cam kết luôn đặt uy tín, chất lượng và tiện ích lên hàng đầu trong mọi hoạt động kinh doanh.

Với lòng biết ơn chân thành và cam kết mạnh mẽ, **DIVI Group** mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, ủng hộ và đồng hành từ Quý Đối Tác và Khách Hàng trong hành trình phát triển bền vững và cống hiến cho xã hội.

Trân trọng, **Tập đoàn DIVI**

尊敬的合作伙伴和客户，

自2011年成立以来，**DIVI集团**一直不懈努力，以确保自己在合作伙伴和客户心中成为一个值得信赖的品牌。我们以对产品质量的承诺以及您一直以来对我们的支持和信任为荣。

为了实现可持续发展的目标并创建一个封闭的商业生态系统，**DIVI集团**在多个领域活跃，从锅炉制造，蒸汽服务和锅炉租赁，到生物质燃料供应，生物质电厂运营以及林业种植和开发。其中，锅炉制造和技术转移是我们的核心，明确展示了我们对社会的承诺和贡献愿望。

认识到可持续发展的重要性，**DIVI集团**设定了目标，用来自农业废弃物的燃料替代化石燃料，既环保又降低成本。这不仅有助于环境保护，还为我们的客户和合作伙伴带来经济价值。

DIVI集团的可靠性和信誉建立在产品质量、持续创新和质量强化的 80/20 规则之上。这有助于我们保持客户的信任和支持，90% 的收入来自使用我们产品的客户的推荐。

我们衷心感谢合作伙伴和客户的信任和支持，他们为**DIVI集团**的成功做出了重大贡献。这种支持是我们继续追求成为多行业公司目标的动力，到2030年在生物质能源领域处于领先地位，并伴随着越南政府到2050年将碳排放量减少到零的承诺。

我们的使命是努力为我们的合作伙伴带来繁荣 - 从客户、员工到供应商。我们致力于在所有业务活动中始终将信誉、质量和实用性放在首位。

DIVI集团怀着衷心的感谢和坚定的承诺，希望在可持续发展 and 贡献社会的道路上继续得到合作伙伴和客户的信任、支持和陪伴。

敬上，**DIVI集团**。

“
Tại **DIVI Group**, thành công trong kinh doanh là
hướng tới sự thịnh vượng bền vững cho tất cả
người đồng hành.
”

Ông LÊ VĂN HIẾU

Giám đốc DIVI Group

在 **DIVI 集团**，我们的成功就是为所有同伴提供
可持续的繁荣。

LE VAN HIEU 先生

DIVI集团董事长

GIỚI THIỆU CHUNG

概述

CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN DIVI

DIVI 集团有限责任公司

SƠ LƯỢC / DIVI集团

VỀ TẬP ĐOÀN DIVI

简介

2011 DIVICO

(26/07/2011)

Sản xuất nồi hơi

锅炉生产

2017 DIVI BOILER

(10/05/2017)

Bán hơi, bán nhiệt công nghiệp

蒸汽销售、工业热销售

2020 DIVI BIOMASS

(21/08/2020)

Cung cấp nhiên liệu Biomass

生物质燃料供应

2021 DIVI POWER

(21/08/2021)

Sản xuất điện sinh khối

生物质发电

2023 DIVI EXPORT

Bắt đầu năm 2023 / 2023年初

Xuất khẩu

出口



TÂM NHÌN / 前景

SỐ 1 VỀ NĂNG LƯỢNG SINH KHỐI TẠI VIỆT NAM

Năm 2030: trở thành tập đoàn đa ngành nghề và dẫn đầu về năng lượng sinh khối tại Việt Nam.

在越南生物质能源领域处于领先地位

到2030年：成为越南多行业公司和生物质能源的领导者。



SỨ MỆNH / 使命

NỖ LỰC MANG THỊNH VƯỢNG ĐẾN VỚI NGƯỜI ĐỒNG HÀNH

Sứ mệnh của **Tập đoàn DIVI** là tạo dựng và duy trì một hệ sinh thái kinh doanh lành mạnh, đảm bảo cơ hội phát triển cho mọi bên liên quan và thúc đẩy sự thịnh vượng, sự phát triển bền vững, và trách nhiệm với cộng đồng và môi trường.

努力为同伴带来繁荣

DIVI集团的使命是创建并维持一个健康的商业生态系统，确保所有利益相关者的发展机会，并促进繁荣、可持续发展和对社区及环境的责任。



GIÁ TRỊ CỐT LÕI / 核心价值

MÔI TRƯỜNG - TIẾT KIỆM - CHUYÊN NGHIỆP

Kết hợp ba giá trị "**Môi trường - Tiết kiệm - Chuyên nghiệp**" không chỉ giúp doanh nghiệp xây dựng một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững mà còn thúc đẩy việc tạo ra giá trị cho cả doanh nghiệp và xã hội.

环境 - 节约 - 专业

结合“环境 - 节约 - 专业”三大价值观，不仅有助于企业为可持续发展奠定坚实的基础，也有助于为企业和社会创造价值。

CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

创始股东



DƯƠNG DINH THUAN 先生

- Chức vụ: **CEO DIVI Biomass**
- Năm sinh: **1983**
- Kinh nghiệm: **từ năm 2006**
自 2006 年以来
- Trình độ: **Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội**
学术水平: 河内交通运输大学
- Chuyên môn: **Cơ khí ô tô**
专业: 汽车机械师



LE VAN HIEU 先生

- Chức vụ: **CEO DIVI Group**
- Năm sinh: **1984**
- Kinh nghiệm: **từ năm 2007**
自 2007 年以来
- Trình độ: **Đại học Bách khoa Hà Nội**
学术水平: 河内百科大学
- Chuyên môn: **Nhiệt (Nồi hơi - Tuabin)**
专业: 热力 (锅炉 - 涡轮机)



NGUYEN VAN THAN 先生

- Chức vụ: **CEO DIVI Boiler**
- Năm sinh: **1985**
- Kinh nghiệm: **từ năm 2009**
自 2009 年以来
- Trình độ: **Đại học Bách khoa Hà Nội**
学术水平: 河内百科大学
- Chuyên môn: **Nhiệt (Nồi hơi - Tuabin)**
专业: 热力 (锅炉 - 涡轮机)

TỔ CHUYÊN GIA

TƯ VẤN KỸ THUẬT

技术咨询小组



TS. NGUYỄN THANH QUANG

博士 NGUYEN THANH QUANG

- Chức vụ: **Chuyên gia tư vấn kỹ thuật lò hơi công nghiệp**
工业锅炉技术顾问
- Năm sinh: **1973**
- Kinh nghiệm: **hơn 23 năm**
超过 23 年
- Chuyên môn: **Giảng viên bộ môn Nồi hơi công nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội**
讲师 教授工业锅炉学科河内百科大学



PGS.TS PHẠM VĂN TRÍ

副教授, 博士 PHAM VAN TRI

- Chức vụ: **Chuyên gia tư vấn kỹ thuật lò đốt rác**
垃圾焚烧炉技术顾问
- Năm sinh: **1944**
- Kinh nghiệm: **hơn 30 năm**
超过 30 年
- Chuyên môn: **Nguyên Trưởng bộ môn Kỹ thuật Nhiệt Đại học Bách khoa Hà Nội**
前热工学系主任河内百科大学



ThS. NGUYỄN ĐỨC QUYẾN

硕士 NGUYEN DUC QUYEN

- Chức vụ: **Chuyên gia tư vấn công nghệ Nhiệt - Lạnh**
热能 - 制冷技术顾问
- Năm sinh: **1977**
- Kinh nghiệm: **hơn 20 năm**
超过 20 年
- Chuyên môn: **Phó giám đốc Chương trình nghiên cứu ứng dụng - Viện Khoa học và Công nghệ Nhiệt - Lạnh Đại học Bách khoa Hà Nội**
热制冷科学与技术研究所应用研究计划副主任河内百科大学

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

人力资源团队



Ông LÊ VĂN HIẾU

Le Van Hieu 先生

Đại học Bách khoa Hà Nội
河内百科学大学

Giám đốc Tập đoàn DIVI
DIVI集团董事长



Ông PHẠM ĐÌNH NÔNG

Pham Dinh Nong 先生

Đại học Sư phạm Vinh
荣市教育大学

Trưởng phòng Công trình - DIVI Boiler
DIVI Boiler, 施工经理



Ông DƯƠNG ĐÌNH THUẦN

Duong Dinh Thuan 先生

Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội
河内交通运输大学

Giám đốc Công ty DIVI Biomass
DIVI Biomass首席执行官



Ông LÊ QUANG NGHĨA

Le Quang Nghia 先生

Đại học Công nghiệp TP.HCM
胡志明工业大学

Trưởng phòng Tự động hoá - DIVI Boiler
DIVI Boiler, 技术经理



Ông NGUYỄN VĂN THẬN

Nguyen Van Than 先生

Đại học Bách khoa Hà Nội
河内百科学大学

Giám đốc Công ty DIVI Boiler
DIVI Boiler首席执行官



Ông NGUYỄN NGỌC THẮNG

Nguyen Ngoc Thang 先生

Đại học Bách khoa Đà Nẵng
岷港百科学大学

Trưởng phòng Kỹ thuật - DIVI Boiler
DIVI Boiler, 技术经理



Ông DƯƠNG NGỌC LỢI

Duong Ngoc Loi 先生

Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM
胡志明市科技教育大学

Giám đốc Công ty DIVI Power
DIVI Power首席执行官



Ông PHẠM VĂN TIẾN

Pham Van Tien 先生

Cao đẳng Công nghệ Quốc tế LILAMA
LILAMA国际技术学院

Trưởng phòng Sản xuất - DIVI Boiler
DIVI Boiler, 生产部主任



Bà NGUYỄN THỊ ÚT

Nguyen Thi Ut 女士

Đại học Ngoại Thương
外贸大学

Giám đốc Tài chính Tập đoàn DIVI
DIVI集团首席财务官



Bà KIỀU THỊ THU HIỀN

Kieu Thi Thu Hien 女士

Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
胡志明经济大学

Kế toán Trưởng Tập đoàn DIVI
DIVI集团首席会计师

GIẤY PHÉP KINH DOANH

营业执照

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0311016524
Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 07 năm 2011
Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 31 tháng 10 năm 2022

1. Tên công ty
Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN DIVI
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DIVI GROUP CO., LTD
Tên công ty viết tắt: DIVI GROUP

2. Địa chỉ trụ sở chính
40 Cư xá U Tàu, Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 0942.488.818 Fax:
Email: ketoandinhviet3@gmail.com Website: www.divigroup.com.vn

3. Vốn điều lệ 98.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Chín mươi tám tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LÊ VĂN HIỆU	Việt Nam	291 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	78.400.000.000	80,00%	B4787696	

2	NGUYỄN VĂN THÂN	Việt Nam	Xóm 9B, Xã Lai Thành, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	14.700.000.000	15,00%	037085002158	
3	ĐƯƠNG ĐÌNH THUẬN	Việt Nam	Xóm Lê Đồng Côi, Thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	4.900.000.000	5,00%	125042830	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty
* Họ và tên: LÊ VĂN HIỆU Giới tính: Nam
Chức danh: Giám đốc
Sinh ngày: 22/09/1984 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038084032017
Ngày cấp: 08/08/2022 Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Địa chỉ thường trú: 291 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa chỉ liên lạc: 291 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
Võ Cẩm Tú

THÀNH TỰU KỸ THUẬT

技术成果



GIẢI THƯỞNG 100.000 USD TỪ USAID

Tập đoàn DIVI tự hào là một trong 3 đơn vị đổi mới sáng tạo được lựa chọn trong Vòng 3 của Quỹ Thách thức Đổi mới Sáng tạo (ICF) để hỗ trợ thực hiện thí điểm trình diễn các giải pháp đổi mới tiên tiến nhằm giải quyết các vấn đề về năng lượng và môi trường.



美国国际开发署 100,000 美元奖金

DIVI集团很荣幸成为创新挑战基金 (ICF) 第三轮中选出的3家创新者之一，以支持创新创新解决方案的试点实施，以解决能源和环境问题。



CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN DVI
DVI 集团有限责任公司

CƠ SỞ HẠ TẦNG

基础设施

NỖ LỰC MANG THỊNH VƯỢNG ĐẾN VỚI NGƯỜI ĐỒNG HÀNH



TẬP ĐOÀN DIVI

VĂN PHÒNG CHÍNH

公司总部



Địa chỉ: Số 588 Phạm Văn Chiêu, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
地址: 588号 Phạm Van Chieu路, 16坊, Go Vap郡, 胡志明市, 越南



NHÀ MÁY SẢN XUẤT NỒI HƠI

锅炉制造厂

Group



Địa chỉ: Đường Khánh Bình 10, P. Khánh Bình, Tân Uyên, Bình Dương
 地址: Khanh Binh 10路, Khanh Binh坊, Tan Uyen市, 平阳省, 越南



NHÀ MÁY NHIÊN LIỆU

生物质燃料厂

Group



Nhà máy 1: xã Phước Minh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

工厂1: Phước Minh公社, Bù Gia Mập区, 平福省, 越南

Nhà máy 2: huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

工厂2: Nghĩa Đàn区, 义安省, 越南



Công ty TNHH Tập đoàn DVI
DVI 集团有限责任公司

CÁC MẢNG KINH DOANH

业务领域

SẢN XUẤT NỒI HƠI

锅炉生产



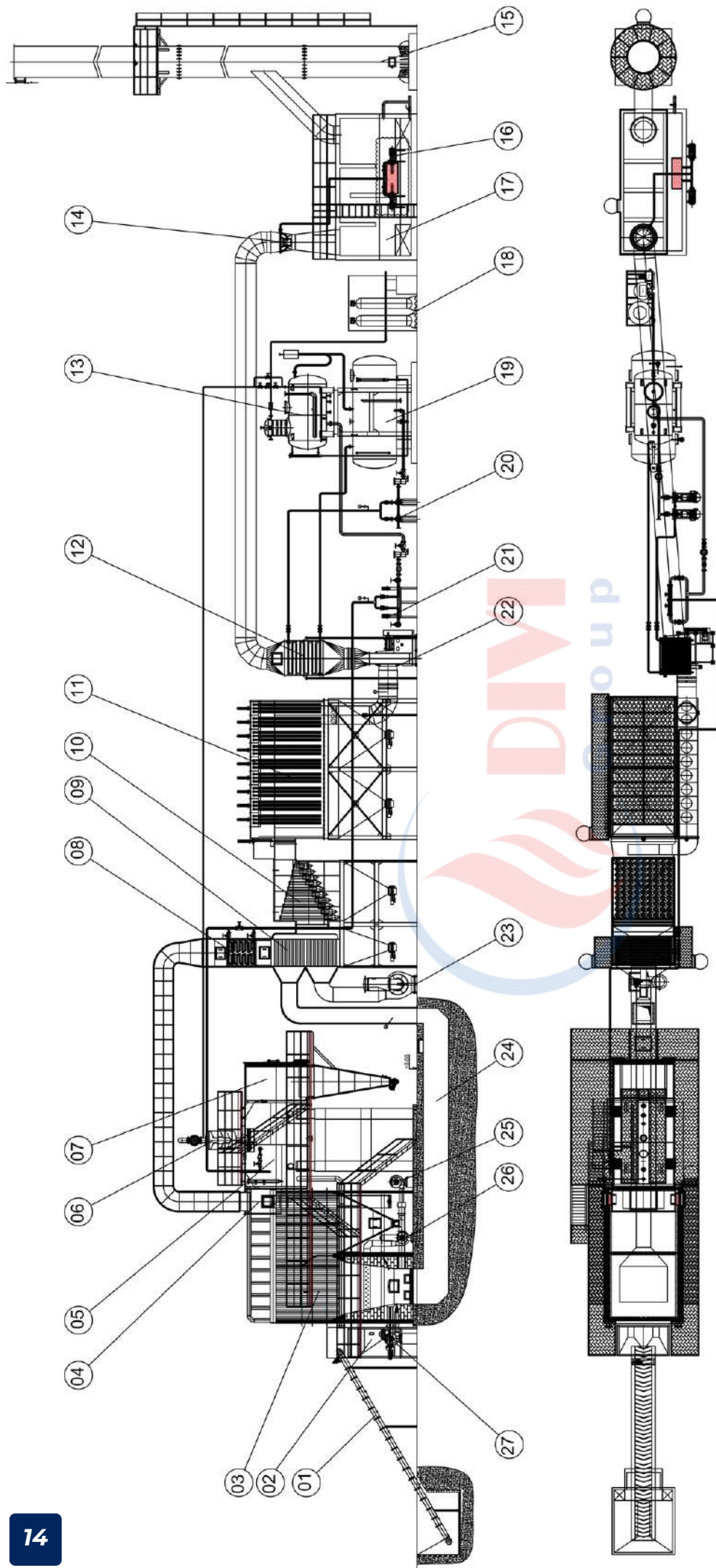
NỒI HƠI TẦNG SÔI ĐỐT BIOMASS

燃生物质流化床锅炉

HẠNG MỤC 类别	ĐƠN VỊ 单位	THÔNG SỐ 参数
Áp suất thiết kế 设计压力	bar	8 - 30
Nhiệt độ hơi bão hoà 饱和蒸汽温度	°C	165 - 234
Hiệu suất nôi hơi 锅炉效率	%	89 ± 2
Nhiên liệu đốt 燃料类型		Trấu, củi băm, bã điều, mùn cưa, vỏ cà phê và một số loại nhiên liệu sinh khối khác 稻壳、切碎的木头、腰果壳、锯末、咖啡壳和其他一些生物质燃料
Tiêu hao nhiên liệu 燃料消耗	kg/tấn hơi 公斤/吨蒸汽	- Củi băm : 300 - 450 - Trấu : 170 - 250 - Bã điều : 150 - 225
Tiêu hao điện 功耗	kW/tấn hơi 千瓦/吨蒸汽	Điện : < 7.5
Hệ thống điều khiển 控制系统		Tự động hoàn toàn bằng PLC - SCADA 完全自动化，采用PLC - SCADA系统
Tiêu chuẩn môi trường 环境标准		Đảm bảo tuyệt đối QCVN 19:2009/BTNMT 完全符合QCVN 19:2009/BTNMT标准
Công suất sinh hơi 蒸汽产能	tấn hơi/giờ 吨蒸汽/小时	2 4 6 8 10 15 20
Diện tích mặt bằng 占地面积	m ²	240 360 504 576 594 864 1,080
Nhân công vận hành 操作人员	người/ca 人员/班次	2 2 2 2 3 3 3
Công suất điện nguồn 电源功率	kW	20 40 60 80 100 150 200

YOUTUBE





- | | | | | |
|---------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| 1_Băng tải
输送带 | 7_Hộp khói sau
后烟箱 | 13_Bộ khử khí
气体处理设备 | 19_Bồn chứa nước dự phòng
储备水箱 | 25_Quạt hồi tro
回程风扇 |
| 2_Phễu chứa liệu trung gian
中间燃料漏斗 | 8_Bộ hâm nước cấp 1
主水省煤器 | 14_Ventury đập bụi
文丘里湿式除尘器 | 20_Cụm bơm tuần hoàn
循环泵组 | 26_Gió cấp 2
二次风机 |
| 3_Buồng đốt
燃烧室 | 9_Bộ sấy không khí
空气预热器 | 15_Ống khói
烟囱 | 21_Cụm bơm cấp nước vào lò
锅炉供水泵 | 27_Gió cấp liệu
燃油鼓风机 |
| 4_Hộp khói trước
前烟箱 | 10_Bộ cyclone lọc bụi
旋风分离器 | 16_Cụm bơm đập bụi
细粉尘回收冲压泵 | 22_Quạt hút
排气扇 | |
| 5_Thân lò
锅炉本体 | 11_Bộ lọc bụi túi vải
布袋除尘器 | 17_Bé đập bụi
细粉尘罐 | 23_Quạt cấp gió chính
一次风机 | |
| 6_Bộ tách nước trong hơi
冷凝水分离阀 | 12_Bộ hâm nước sơ cấp
辅助水省煤器 | 18_Bộ xử lý nước
水处理装置 | 24_Kênh dẫn gió nóng
含有热空气的管道 | |

HÌNH ẢNH

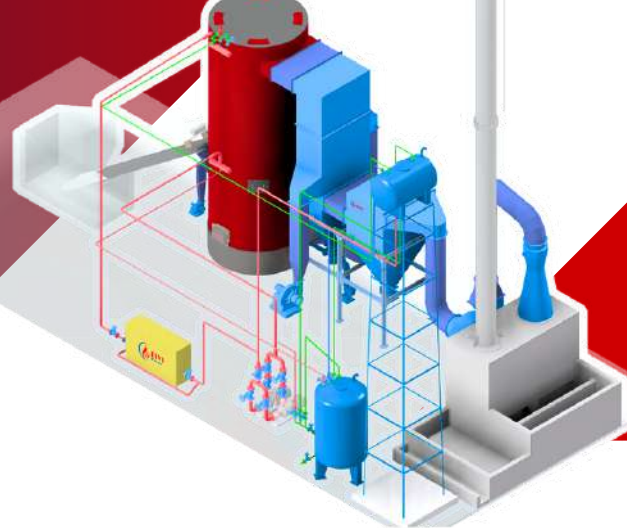
NỒI HƠI TẦNG SÔI ĐỐT BIOMASS

图库 生物质燃烧流化床锅炉



SẢN XUẤT NỒI HƠI

锅炉生产



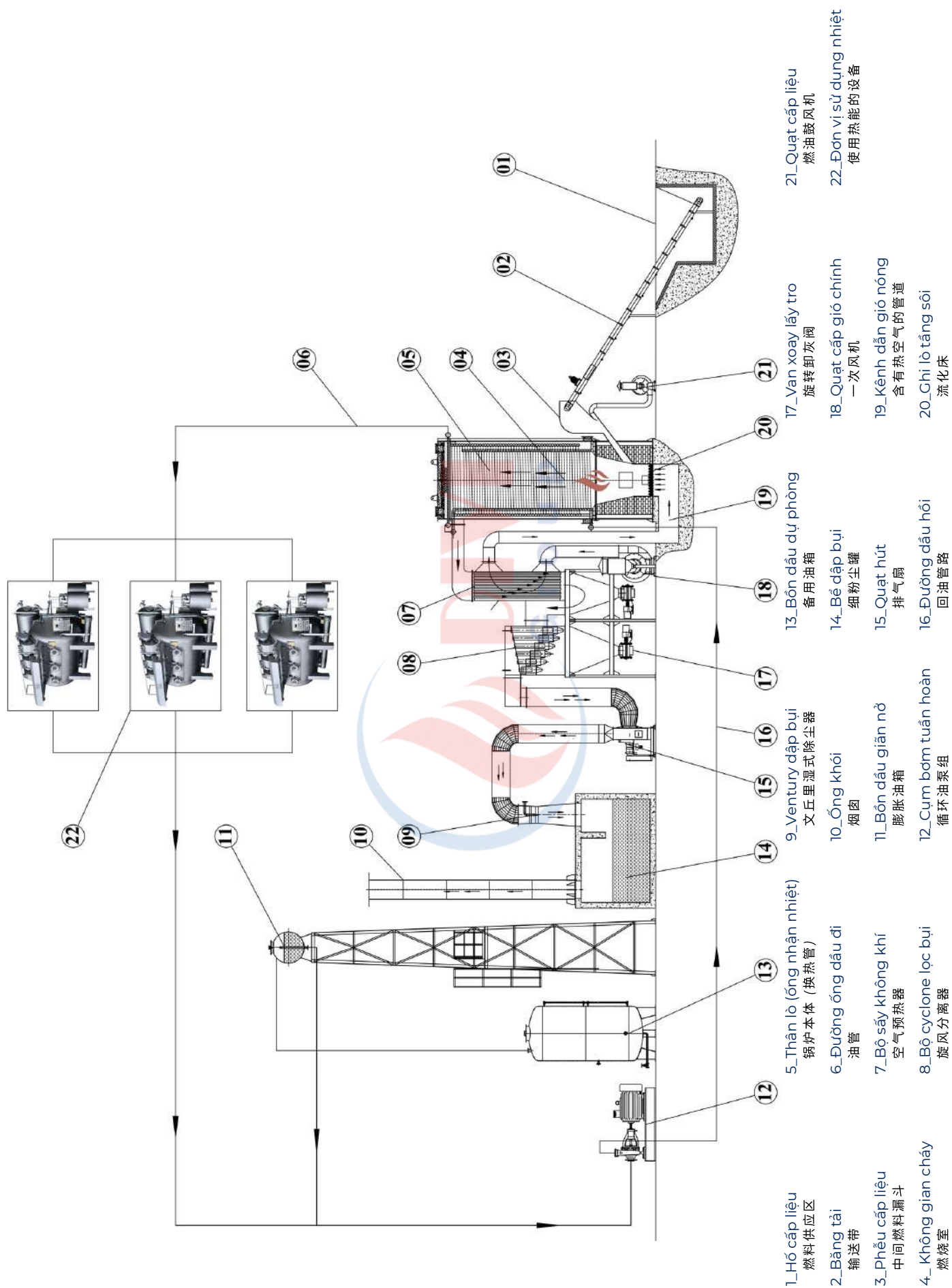
NỒI DẦU TẢI NHIỆT ĐỐT BIOMASS

生物质导热油锅炉

HẠNG MỤC 类别	ĐƠN VỊ 单位	THÔNG SỐ 参数
Áp suất thiết kế 设计压力	bar	10
Nhiệt độ hơi bão hoà 饱和蒸汽温度	°C	300
Hiệu suất nôi dầu 锅炉效率	%	85 ± 2
Nhiên liệu đốt 燃料类型		Trấu, củi băm, bã điều, mùn cưa, vỏ cà phê và một số loại nhiên liệu sinh khối khác 稻壳、切碎的木头、腰果壳、锯末、咖啡壳和其他一些生物质燃料
Tiêu hao nhiên liệu 燃料消耗	kg/triệu.kCal 千克/百万千卡	- Củi băm : 450 - 675 切碎的木柴 - Trấu : 255 - 375 糠 - Bã điều : 255 - 388 腰果浆
Hệ thống điều khiển 控制系统		Tự động hoàn toàn bằng PLC – SCADA 完全自动化，采用PLC - SCADA系统
Tiêu chuẩn môi trường 环境标准		Đảm bảo tuyệt đối QCVN 19:2009/BTNMT 完全符合QCVN 19:2009/BTNMT标准
Công suất sinh nhiệt 发热能力	triệu.kCal/giờ 百万千卡/小时	1 2 3 4 6 8 10
	kWh	1,163 2,326 3,489 4,652 6,978 9,304 11,630
Diện tích mặt bằng 占地面积	m ²	250 360 420 500 600 720 850
Nhân công vận hành 操作人员	người/ca 人员/班次	2 2 2 2 2 2 2
Công suất điện nguồn 电源功率	kW	60 100 120 160 240 300 350

YOUTUBE





HÌNH ẢNH

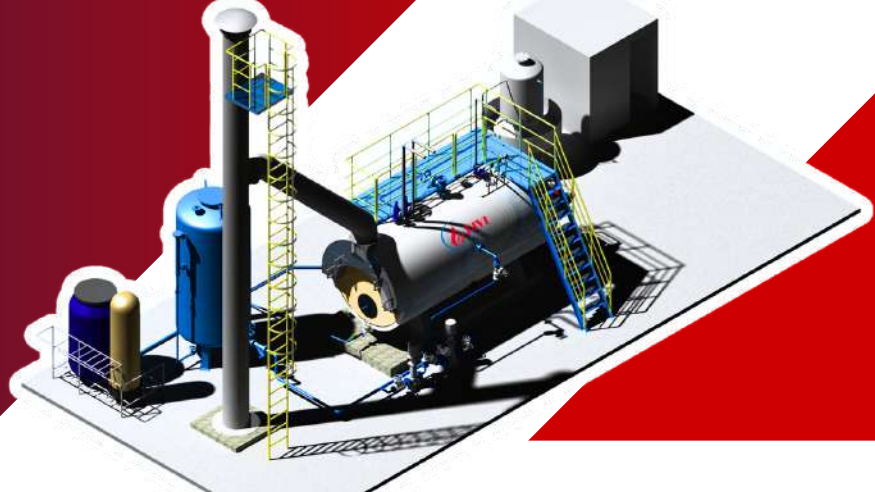
NỒI DẦU TẢI NHIỆT ĐỐT BIOMASS

图片 生物质导热油锅炉



SẢN XUẤT NỒI HƠI

锅炉生产



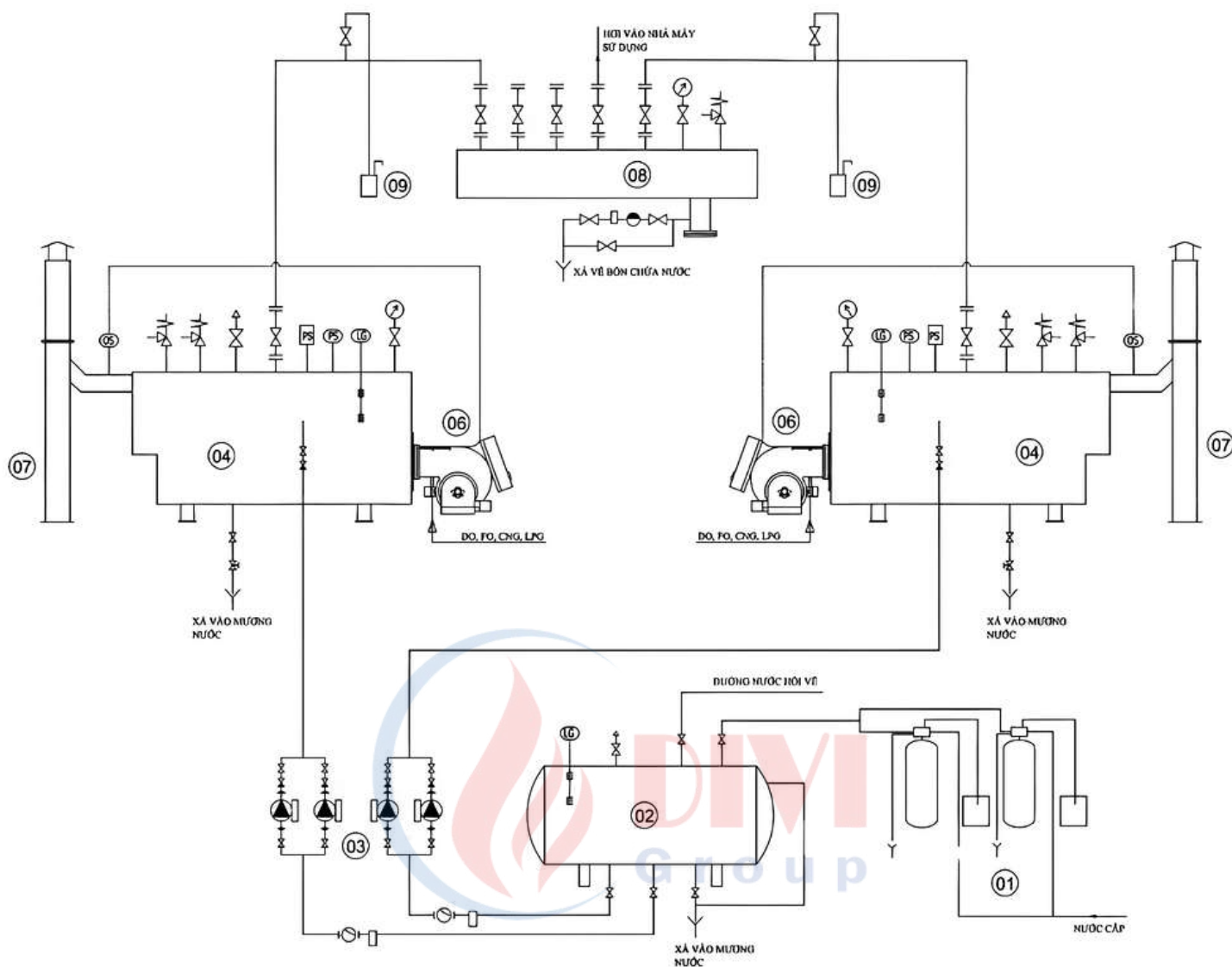
NỒI HƠI ĐỐT NHIÊN LIỆU LỎNG

液体燃料锅炉

HẠNG MỤC 类别	ĐƠN VỊ 单位	THÔNG SỐ 参数
Áp suất thiết kế 设计压力	bar	8 - 20
Nhiệt độ hơi bão hòa 饱和蒸汽温度	°C	165 - 215
Hiệu suất nôi hơi 锅炉效率	%	93 ± 2
Nhiên liệu đốt 燃料类型		Dầu Diesel, dầu Mazut, LPG, CNG 柴油、马祖特油、液化石油气、压缩天然气
Tiêu hao nhiên liệu 燃料消耗	lít/tấn hơi 升/吨蒸汽 kg/tấn hơi 千克/吨蒸汽 Sm ³ /tấn hơi Sm ³ /吨蒸汽	- Dầu Diesel 柴油 : 60 - 70 - LPG 液化石油气 : 55 - 65 - CNG 压缩天然气 : 65 - 79
Hệ thống điều khiển 控制系统		Tự động hoàn toàn bằng PLC – SCADA 完全自动化，采用PLC - SCADA系统
Tiêu chuẩn môi trường 环境标准		Đảm bảo tuyệt đối QCVN 19:2009/BTNMT 完全符合QCVN 19:2009/BTNMT标准
Công suất sinh hơi 蒸汽产能	tấn hơi/giờ 吨蒸汽/小时	1 2 3 4 6 8 10
Diện tích mặt bằng 占地面积	m ²	50 50 70 80 100 150 180
Nhân công vận hành 操作人员	người/ca 人员/班次	1 1 1 1 1 1 1
Công suất điện nguồn 电源功率	kW	7.5 13 18.5 24 29.5 35 40.5

YOUTUBE





Ghi chú:

笔记

1_Bộ xử lý nước
水处理装置

2_Bồn chứa nước
储备水箱

3_Bơm cấp nước
锅炉供水泵

4_Thân lò hơi
锅炉本体

6_Đầu đốt
燃烧器

7_Ống khói
烟囱

8_Bầu góp hơi
蒸汽积累器

9_Bộ lấy mẫu hơi
蒸汽采样系统

⌵ : Van an toàn
安全阀

⌵ : Van xả khí
排气阀

⌵ : Van chặn
截止阀

⌵ : Van tay gạt
手动球阀

⌵ : Đồng hồ đo áp suất
压力表

⌵ : Bẫy xả loại phao
浮球排气阀

(PS) : Cảm biến áp suất
压力传感器

PS : Công tắc áp suất
压力开关

LG : Kính thủy sáng
液位计

OS : Cảm biến oxy
氧气传感器

⌵ : Lọc cặn
锅炉除垢器

⌵ : Đồng hồ lưu lượng nước
水流量计

HÌNH ẢNH

NỒI HƠI ĐỐT NHIÊN LIỆU LỎNG

图库 液体燃料锅炉





MIEN TRUNG

Beer

NHÀ MÁY BIA MIỀN TRUNG

中部啤酒厂

• **Thiết kế & Chế tạo:**

设计与制造

**Tiêu chuẩn TCVN 7704 - 2007
& TCVN 12728 - 2019**

根据TCVN 7704 - 2007

和TCVN 12728 - 2019标准

• **Áp suất thiết kế:**

设计压力

12 bar

• **Tổng lượng hơi cấp:**

总供蒸汽量

24.000 tấn/năm

24,000 吨/年

• **Công suất lò hơi:**

锅炉产能

8 tấn hơi/giờ

8 吨蒸汽/小时

• **Nhiên liệu:**

燃料

Biomass

生物质

• **Tiêu hao điện năng:**

耗电量

4 kW/tấn hơi

4 千瓦/吨蒸汽





CÔNG TY TNHH CAMSO VIỆT NAM

CAMSO VIETNAM有限公司

- **Thiết kế & Chế tạo:**

设计与制造

**Tiêu chuẩn TCVN 7704 - 2007
& TCVN 12728 - 2019**

根据TCVN 7704 - 2007
和TCVN 12728 - 2019标准

- **Áp suất thiết kế:**

设计压力

12 bar

- **Tổng lượng hơi cấp:**

总供蒸汽量

15.000 tấn/năm

15,000 吨/年

- **Công suất lò hơi:**

锅炉产能

2x3 tấn hơi/giờ

2x3 吨蒸汽/小时

- **Nhiên liệu:**

燃料

Dầu DO

DO油

- **Tiêu hao điện năng:**

耗电量

1,5 kW/tấn hơi

1.5 千瓦/吨蒸汽





GOLDEN LOTUS

CÔNG TY HOA SEN VÀNG KIM HUỲNH

KIM HUYNH 黄金莲花公司

• **Thiết kế & Chế tạo:**

设计与制造

**Tiêu chuẩn TCVN 7704 - 2007
& TCVN 12728 - 2019**

根据TCVN 7704 - 2007
和TCVN 12728 - 2019标准

• **Áp suất thiết kế:**

设计压力

10 bar

• **Tổng lượng nhiệt cấp:**

总供热量

35.000 MkCal/năm

35,000 毫卡/年

• **Công suất lò dầu:**

油炉产能

4 MkCal/giờ

4 毫卡/小时

• **Nhiên liệu:**

燃料

Biomass

生物量

• **Tiêu hao điện năng:**

耗电量

11 kW/MkCal

11 千瓦/毫卡





CÔNG TY TNHH SÀI GÒN 3 JEAN

SAI GON 3 JEAN有限公司

- **Thiết kế & Chế tạo:**

设计与制造

**Tiêu chuẩn TCVN 7704 - 2007
& TCVN 12728 - 2019**

根据TCVN 7704 - 2007
和TCVN 12728 - 2019标准

- **Áp suất thiết kế:**

设计压力

12 bar

- **Tổng lượng hơi cấp:**

总供蒸汽量

48.000 tấn/năm

48,000 吨/年

- **Công suất lò hơi:**

锅炉产能

2x8 tấn hơi/giờ

2x8 吨蒸汽/小时

- **Nhiên liệu:**

燃料

Biomass, than Indo

生物质, 印尼煤

- **Tiêu hao điện năng:**

耗电量

4 kW/tấn hơi

4 千瓦/吨蒸汽



**GREEN COCO
FOODS**

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỪA XANH

DUA XANH生产贸易有限公司

• **Thiết kế & Chế tạo:**

设计与制造

**Tiêu chuẩn TCVN 7704 - 2007
& TCVN 12728 - 2019**

根据TCVN 7704 - 2007
和TCVN 12728 - 2019标准

• **Áp suất thiết kế:**

设计压力

15 bar

• **Tổng lượng hơi cấp:**

总供蒸汽量

18.000 tấn/năm

18,000 吨/年

• **Công suất lò hơi:**

锅炉产能

5 tấn hơi/giờ

5 吨蒸汽/小时

• **Nhiên liệu:**

燃料

Trấu, mùn cưa

果壳、锯末

• **Tiêu hao điện năng:**

耗电量

<4 kW/tấn hơi

<4 千瓦/吨蒸汽





CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

SAFOCO 食品股份公司

- **Thiết kế & Chế tạo:**

设计与制造

**Tiêu chuẩn TCVN 7704 - 2007
& TCVN 12728 - 2019**

根据TCVN 7704 - 2007
和TCVN 12728 - 2019标准

- **Áp suất thiết kế:**

设计压力

12 bar

- **Tổng lượng hơi cấp:**

总供蒸汽量

37.440 tấn/năm

37,440 吨/年

- **Công suất lò hơi:**

锅炉产能

8 tấn hơi/giờ

8 吨蒸汽/小时

- **Nhiên liệu:**

燃料

Biomass, than Indo

生物质, 印尼煤

- **Tiêu hao điện năng:**

耗电量

4 kW/tấn hơi

4 千瓦/吨蒸汽





CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

TUONG AN 植物油股份公司

- **Thiết kế & Chế tạo:**

设计与制造

**Tiêu chuẩn TCVN 7704 - 2007
& TCVN 12728 - 2019**

根据TCVN 7704 - 2007
和TCVN 12728 - 2019标准

- **Áp suất thiết kế:**

设计压力

15 bar

- **Tổng lượng hơi cấp:**

总供蒸汽量

80.000 tấn/năm

80,000 吨/年

- **Công suất lò hơi:**

锅炉产能

20 tấn hơi/giờ

20 吨蒸汽/小时

- **Nhiên liệu:**

燃料

Củ bằm

切碎的木柴

- **Tiêu hao điện năng:**

耗电量

<4 kW/tấn hơi

<4 千瓦/吨蒸汽





CÔNG TY TNHH SÂM NHÚT

SAM NHUT有限公司

- **Thiết kế & Chế tạo:**

设计与制造

**Tiêu chuẩn TCVN 7704 - 2007
& TCVN 12728 - 2019**

根据TCVN 7704 - 2007
和TCVN 12728 - 2019标准

- **Áp suất thiết kế:**

设计压力

25 bar

- **Tổng lượng hơi cấp:**

总供蒸汽量

93.600 tấn/năm

93,600 吨/年

- **Công suất lò hơi:**

锅炉产能

20 tấn hơi/giờ

20 吨蒸汽/小时

- **Nhiên liệu:**

燃料

Củ bả, bã điều, than Indo

木柴、腰果壳、印度木炭

- **Tiêu hao điện năng:**

耗电量

4 kW/tấn hơi

4 千瓦/吨蒸汽





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THÁI BÌNH

THAI BINH 投资股份公司

- **Thiết kế & Chế tạo:**

设计与制造

**Tiêu chuẩn TCVN 7704 - 2007
& TCVN 12728 - 2019**

根据TCVN 7704 - 2007
和TCVN 12728 - 2019标准

- **Áp suất thiết kế:**

设计压力

16 bar

- **Tổng lượng hơi cấp:**

总供蒸汽量

80.000 tấn/năm

80,000 吨/年

- **Công suất lò hơi:**

锅炉产能

15 tấn hơi/giờ

15吨蒸汽/小时

- **Nhiên liệu:**

燃料

Củ băm, bã điều

切碎的木头, 腰果壳

- **Tiêu hao điện năng:**

耗电量

<4 kW/tấn hơi

<4 千瓦/吨蒸汽





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

旅游与水产发展投资股份公司

• Thiết kế & Chế tạo:

设计与制造

**Tiêu chuẩn TCVN 7704 - 2007
& TCVN 12728 - 2019**

根据TCVN 7704 - 2007
和TCVN 12728 - 2019标准

• Áp suất thiết kế:

设计压力

12 bar

• Tổng lượng hơi cấp:

总供蒸汽量

120.000 tấn/năm

120,000 吨/年

• Công suất lò hơi:

锅炉产能

2x15 tấn hơi/giờ

2x15 吨蒸汽/小时

• Nhiên liệu:

燃料

Trấu

稻壳

• Tiêu hao điện năng:

耗电量

<5,5 kW/tấn hơi

<5.5 千瓦/吨蒸汽





CÔNG TY TNHH MARINE FUNCTIONAL VIETNAM

MARINE FUNCTIONAL VIETNAM有限公司

- **Thiết kế & Chế tạo:**

设计与制造

**Tiêu chuẩn TCVN 7704 - 2007
& TCVN 12728 - 2019**

根据TCVN 7704 - 2007

和TCVN 12728 - 2019标准

- **Áp suất thiết kế:**

设计压力

16 bar

- **Tổng lượng hơi cấp:**

总供蒸汽量

35.000 tấn/năm

35,000 吨/年

- **Công suất lò hơi:**

锅炉产能

8 tấn hơi/giờ

8 吨蒸汽/小时

- **Nhiên liệu:**

燃料

Trấu

稻壳

- **Tiêu hao điện năng:**

耗电量

<5,5 kW/tấn hơi

<5.5 千瓦/吨蒸汽



TH[★] trueMILK

Thật sự thiên nhiên

NHÀ MÁY SỮA TƯƠI SẠCH TH TRUE MILK

TH TRUE MILK 鲜奶清洁工厂

- **Thiết kế & Chế tạo:**

设计与制造

**Tiêu chuẩn TCVN 7704 - 2007
& TCVN 12728 - 2019**

根据TCVN 7704 - 2007

和TCVN 12728 - 2019标准

- **Áp suất thiết kế:**

设计压力

15 bar

- **Tổng lượng hơi cấp:**

总供蒸汽量

75.000 tấn/năm

75,000 吨/年

- **Công suất lò hơi:**

锅炉产能

16 tấn hơi/giờ

16 吨蒸汽/小时

- **Nhiên liệu:**

燃料

Biomass

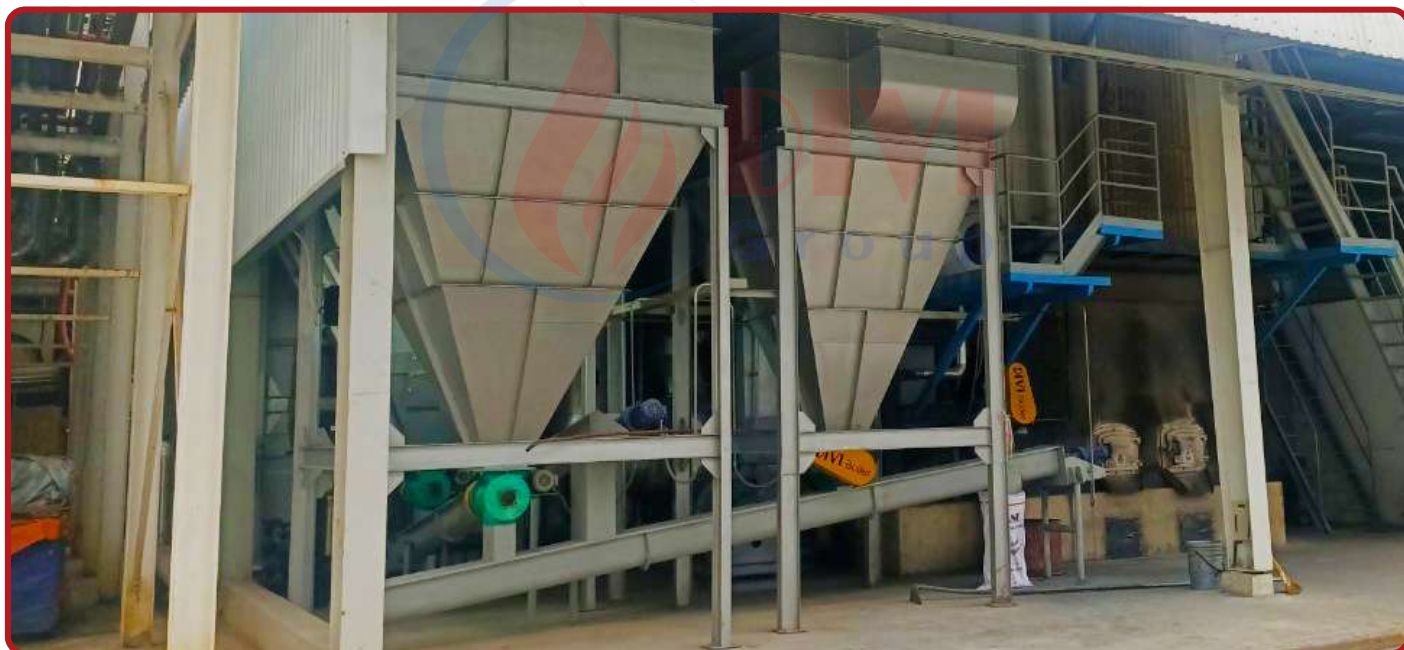
生物量

- **Tiêu hao điện năng:**

耗电量

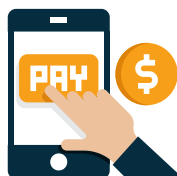
<4 kW/tấn hơi

<4 千瓦/吨蒸汽



DỊCH VỤ BÁN HƠI

蒸汽供应服务



THANH TOÁN

支付

- Thời gian: 1 tháng / 1 lần
每月一次
- Hợp đồng ít nhất 05 năm
合同至少5年



Vận hành
运营

Môi trường
环境

Điện nước
电和水

Pháp lý
法律

Nhiên liệu
燃料

Mua bảo hiểm
购买保险

Đầu tư
投资

Bán hơi/nhiệt
销售蒸汽/热能

NHÀ MÁY CỦA KHÁCH HÀNG
客户的工厂



**Tiết kiệm chi phí sản xuất
hơi, nhiệt** hơn so với
tự đầu tư và tự vận hành

相比自行投资和运营，节省了生
产蒸汽或热能的成本

**Đảm bảo tiêu chuẩn
môi trường**

确保环境标准

**Khách hàng không mất
chi phí đầu tư
hệ thống lò hơi**

客户不需要投资锅炉系统的
费用

**Không phải bận tâm
đến việc quản lý phân
đoạn** sản xuất hơi – nhiệt

无需管理蒸汽或热能的生产
过程

**LỢI ÍCH
CỦA KHÁCH HÀNG**

客户的好处

**Chất lượng nguồn
cung cấp hơi, nhiệt rất
ổn định, chuyên nghiệp**

蒸汽或热能供应的质量非常
稳定，非常专业

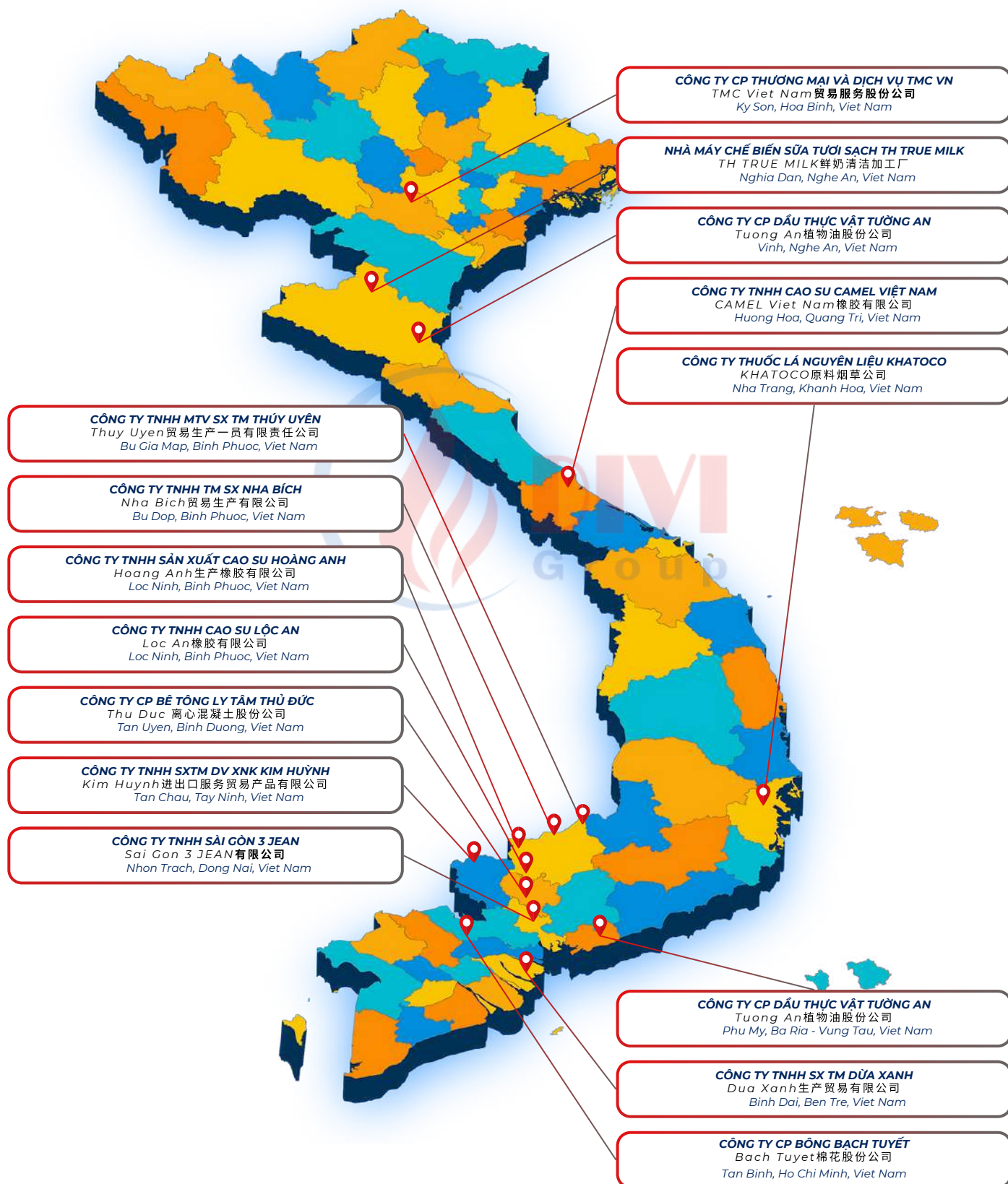
**Không lo đến pháp lý,
môi trường** trước cơ quan
quản lý

不必担心环境法律问题

KHÁCH HÀNG

MẢNG DỊCH VỤ BÁN HƠI

使用蒸汽供应服务的客户



NHIÊN LIỆU BIOMASS

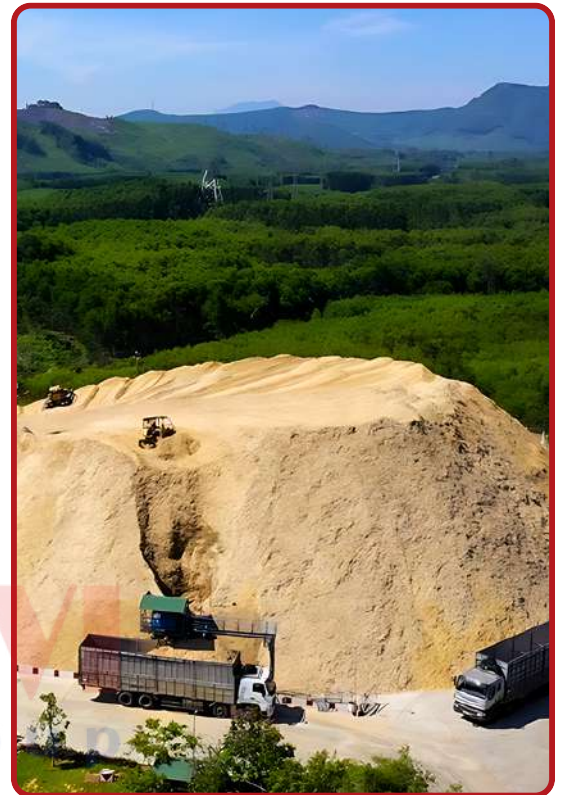
生物质燃料供应服务

TẠI SAO NÊN SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU BIOMASS?

- Là nguồn nhiên liệu tái tạo – bảo vệ môi trường
- Là giải pháp hiệu quả để thay thế cho các nguồn nhiên liệu hóa thạch như: dầu, than đá...
- Giúp xử lý rác thải từ nông lâm nghiệp
- Tro xỉ không độc hại, có thể làm phân bón
- Phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường của các hiệp định song phương và đa phương mà Việt Nam đã tham gia
- Góp phần cải thiện rừng nghèo
- Góp phần đảm bảo an ninh năng lượng
- Phù hợp với cam kết chống biến đổi khí hậu toàn cầu

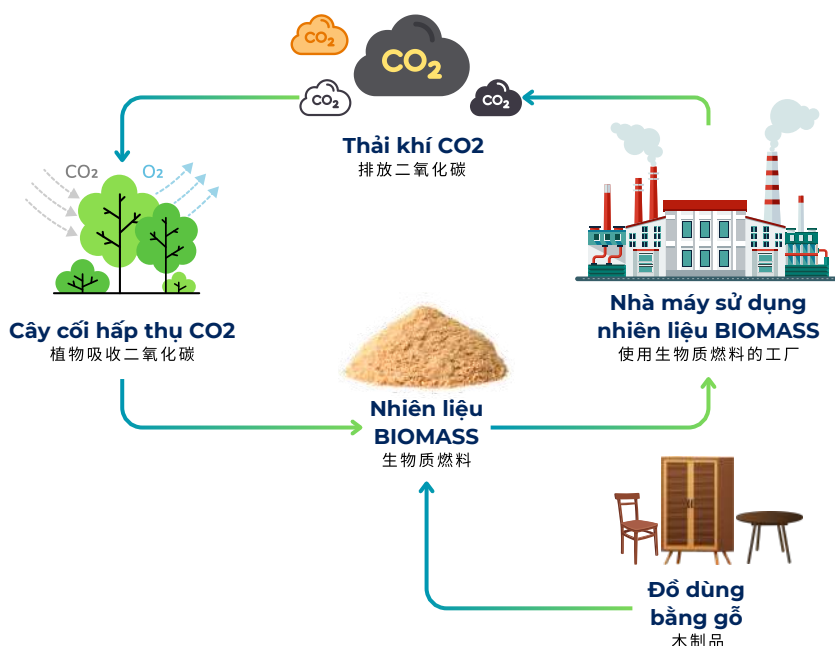
为什么应该使用生物质燃料？

- 是一种可再生能源 —— 保护环境
- 是替代化石燃料（如石油、煤炭等）的有效解决方案
- 帮助处理来自农林业的废物
- 灰烬无毒，可用作肥料。
- 符合越南双边和多边环保协议的要求
- 有助于改善贫瘠森林
- 有助于确保能源安全
- 符合全球气候变化承诺



QUY TRÌNH TÁI TẠO SINH KHỐI

生物质再生过程



CÔNG SUẤT SẢN XUẤT

产能

120.000 tấn/năm

120.000 吨/年

NHIÊN LIỆU CUNG CẤP

需要的燃料



Củi băm
切碎的木头



Bã điều
腰果壳

BÀI VIẾT
文章



DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN

生物质电力厂项目



- **Nhà máy điện sinh khối** với công suất phát điện lên lưới **10 MW** sử dụng **nồi hơi tăng sôi** để đốt nhiên liệu củi băm và bã điều, là giải pháp hiệu quả trong việc tận dụng nguồn nhiên liệu tái tạo.

一家生物质电厂，采用流化床锅炉燃烧切碎的木头和腰果壳，发电容量为10兆瓦，这是利用可再生能源的有效方法。

- **Tua bin ngưng hơi** được lựa chọn để chuyển đổi năng lượng nhiệt thành điện năng, tối ưu hóa hiệu suất chuyển đổi năng lượng.

选择了凝汽式汽轮机将热能转换为电能，优化了能源转换效率。

- Nhà máy này không chỉ góp phần giảm thiểu phát thải CO₂ nhờ việc sử dụng nhiên liệu sinh khối, mà còn cung cấp một lượng điện năng đáng kể cho lưới điện, thúc đẩy sự phát triển của năng lượng sạch và bền vững.

该电厂不仅因使用生物质燃料而有助于减少二氧化碳排放，而且还为电网提供了可观的电力，促进了清洁和可持续能源的发展。

- **Công suất phát điện:**

发电容量

10 MWh

- **Suất tiêu hao hơi cho 1 MW:**

每兆瓦蒸汽消耗率

4.200 kg hơi/giờ

4.200 千克蒸汽/小时

- **Công suất nồi hơi:**

锅炉产能

50 tấn hơi/giờ

50 吨蒸汽/小时

- **Diện tích nhà máy:**

工厂面积

5 ha

- **Áp suất thiết kế:**

设计压力

110 bar

- **Loại hình Turbine:**

汽轮机类型

turbine ngưng hơi

凝汽式汽轮机

- **Tự động hoàn toàn - điều khiển bằng PLC-SCADA**

完全自动化 - 采用PLC-SCADA控制

- **QCVN 22:2009/BTNMT hoặc tương đương**

或等同于QCVN 22:2009/BTNMT

- **Ưu điểm dự án:**

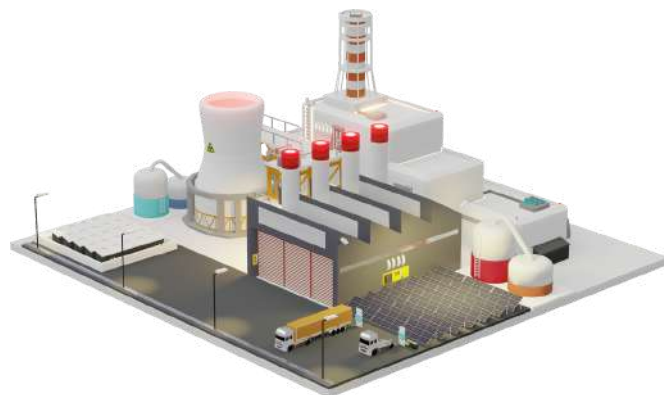
项目优点

- Nằm ở trung tâm vùng nhiên liệu
位于燃料区的中心
- Khả năng giải tỏa công suất tốt
良好的功率释放能力

- **Vị trí dự án:** xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

项目位置

Phu Van乡, Bu Gia Mập县, 平福省, 越南



XUẤT KHẨU GỖ XÈ

木材出口



Gỗ được chọn lọc kỹ lưỡng từ các khu rừng quản lý bền vững.
木材精心挑选自可持续管理的森林

Quy trình xử lý tiên tiến, đảm bảo độ bền và vẻ đẹp tự nhiên của gỗ.
先进的处理过程确保了木材的耐用性和自然美

Cung cấp các kích thước và chủng loại theo yêu cầu.
提供各种尺寸和类型以满足需求



SCAN YOUTUBE



XUẤT KHẨU THÙNG CARTON

纸箱出口



Sản xuất từ nguồn nguyên liệu tái chế, góp phần bảo vệ môi trường.
采用回收材料生产，有助于环境保护

Thiết kế đa dạng, phù hợp với mọi nhu cầu đóng gói.
设计多样化，满足各种包装需求

Độ bền cao, đảm bảo an toàn cho sản phẩm trong quá trình vận chuyển.
高耐用性，确保运输过程中产品的安全

Dây chuyền sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 45001 và FSC C164852.
生产线符合ISO 9001:2015、ISO 45001和FSC C164852标准



SCAN YOUTUBE



XUẤT KHẨU NÔNG SẢN

农产品出口



Nguồn gốc rõ ràng, sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.
来源明确，产品达到出口标准

Quy trình thu hoạch và bảo quản hiện đại, giữ nguyên hương vị và giá trị dinh dưỡng.
现代化的收获和保藏过程，保持原有的风味和营养价值

Mẫu mã và bao bì đẹp, đáp ứng yêu cầu của thị trường mục tiêu.
美观的设计和包装，满足目标市场的需求

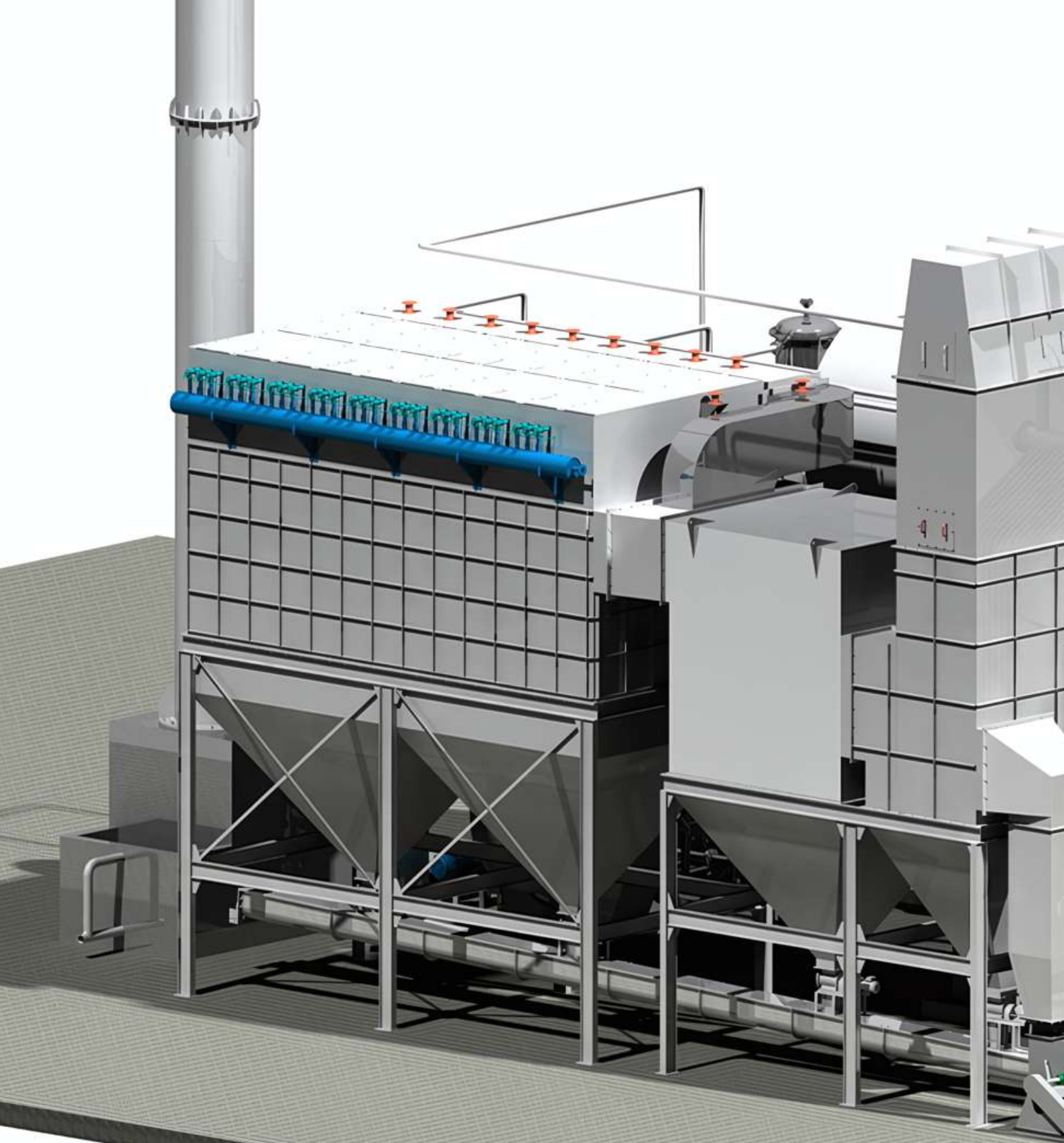


ĐỐI TÁC

TẬP ĐOÀN DIVI

DIVI集团合作伙伴



YOUTUBE
DIVI Group



CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN DIVI

DIVI 集团有限责任公司

Địa chỉ: 588 Phạm Văn Chiêu, P.16, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
地址: 588号 Phạm Văn Chiêu路, 16坊, Gò Vấp郡, 胡志明市, 越南

Website: www.divigroup.com.vn

Hotline: +84 942 488 818

Email: ceo@divigroup.com.vn